WEEKEND HOMEWORK: JOBS AND PROFESSIONS

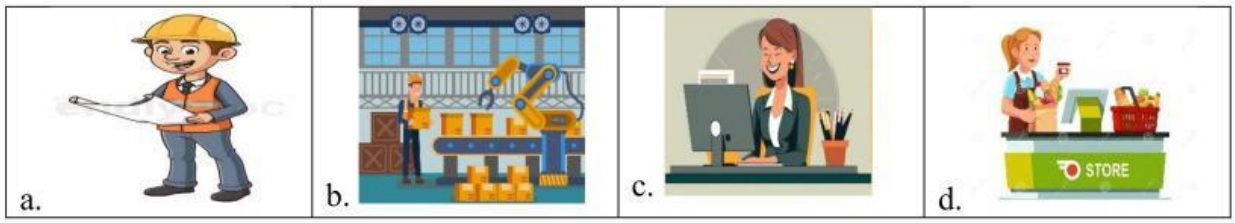
I. Look and match (Nhìn và nối)

(Nối từ tiếng Anh ở cột A với nghĩa/mô tả hoặc cụm từ tương ứng ở cột B)

Column A	Column B
1. a pilot	A. a person who makes bread and cakes
2. a dentist	B. a person who works on a farm
3. a farmer	C. a person who takes care of your teeth
4. a baker	D. a person who flies an airplane

II. Listen and number (Nghe và đánh số)

(Phụ huynh/giáo viên đọc file nghe ở phần cuối, học sinh nghe và nối số thứ tự với đúng nghề nghiệp)



1 - ……. 2 - …….. 3 - …… 4 - ……..

III. Choose and fill in the blanks (Chọn từ trong hộp và điền vào chỗ trống)

[dentist / What / Who / want / an]

1. _____ is she? - She's a nurse.
2. _____ do you want to be?
3. I want to be _____ engineer.
4. What does your mother do? - She's a _____.
5. I _____ to be a firefighter.

LIVEWORKSHEETS

IV. Rearrange the words (Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. he / Who's / ?

👉 .....

2. a / want / I / to / be / pilot / .

👉 .....

3. your / do / What / does / mother / ?

👉 .....

4. is / He / police / a / officer / .

👉 .....

V. Look and write (Nhìn gợi ý và viết câu hoàn chỉnh)

<table>
<tr>
<td>


1. Who's he?
👉 He's .....
</td>
<td>

2. Who's she?
👉 She's .....
</td>
</tr>
<tr>
<td>
3. What do you want to be?


👉 I want to be .....
</td>
<td>
4. What does your father do?


👉 He's .....
</td>
</tr>
</table>

LIVEWORKSHEETS